

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2022

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Đây.

2. Bà Nguyễn Thùy Trang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXX-ST ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Hồng M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Thanh N, năm sinh 1975;

Địa chỉ: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn Lê Thị Hồng M có mặt tại phiên tòa. Bị đơn Phạm Thanh N vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2021, bổ sung ngày 10/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M trình bày:

Năm 2010, chị M và anh N tự quen biết tìm hiểu khoảng 08 tháng thì thống nhất tổ chức đám cưới vào đầu năm 2011, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24/4/2012.

Thời gian đầu, chị M và anh N chung sống hạnh phúc, có một con chung là Phạm Lê Hoàng N sinh ngày 27/02/2012. Anh N nghề nghiệp làm thợ sơn đồ gỗ, chị M nghề nghiệp làm thợ uốn tóc. Đến tháng 01 năm 2019, chị M và anh N phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi, xúc phạm nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, anh N thường xuyên ăn nhậu, say xỉn rồi về chửi tục, đánh đập vợ con, chửi rửa, thách thức,

hăm dọa xúc phạm cha mẹ, anh em, gia đình, anh N nhiều lần đập phá đồ đạc, tài sản, quậy phá tiệm uốn tóc của chị M, làm cho khách hàng tránh né, ảnh hưởng đến kinh doanh thu nhập của gia đình, chị M phải báo Công an nơi cư trú đến giải quyết, xử lý anh N.

Trong cuộc sống chung, anh N không quan tâm chăm sóc tình cảm vợ chồng, không chu cấp tiền bạc, bỏ mặc cho chị M tự lo lắng, mua sắm, chi tiêu trong cuộc sống chung, sinh hoạt gia đình. Chị M không biết anh N thu nhập bao nhiêu, sử dụng vào việc gì. Chị M có khuyên can nhưng anh N không sửa đổi, mà còn tiếp tục kiếm chuyện, gây mâu thuẫn.

Từ tháng 3 năm 2020 đến nay, anh N đưa con trai Phạm Lê Hoàng N về nhà mẹ ruột ở khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay, thỉnh thoảng anh N nhậu nhẹt say xỉn về nhà chửi rửa, đập phá đồ đạc, nhà cửa, rồi bỏ đi.

Cuộc sống chung ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể tâm sự, bàn bạc, nói chuyện bình thường trong việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con.

Năm 2020, chị M đã nộp đơn ly hôn, nhưng sau đó đã rút đơn để tạo điều kiện vợ chồng chung sống nuôi con, nhưng sau đó vẫn không đoàn tụ chung sống được.

Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm, không còn thương yêu anh N. Chị M thấy anh N không có trách nhiệm gì trong cuộc sống chung gia đình, với vợ con, vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài không thể đoàn tụ. Chị M không thể chịu đựng, không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân nên chị M yêu cầu được ly hôn anh N.

Con chung: Chị M và anh N có một con chung là Phạm Lê Hoàng N sinh ngày 27/02/2012, hiện nay anh N đang nuôi con.

Chị M đồng ý giao cho anh N nuôi con Phạm Lê Hoàng N sau ly hôn. Chị M đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: chị M trình bày không có.

Về án phí: chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Phạm Thanh N trình bày:

Năm 2010, chị M và anh N tự quen biết tìm hiểu khoảng 08 tháng thì thống nhất kết hôn, tổ chức đám cưới vào đầu năm 2011, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24/4/2012.

Thời gian đầu, chị M và anh N chung sống hạnh phúc, có một con chung là Phạm Lê Hoàng N, sinh ngày 27/02/2012. Anh N nghề nghiệp làm thợ sơn. Chị M nghề nghiệp làm thợ uốn tóc.

Đến tháng 01 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, Anh N thừa nhận có ăn nhậu nhưng không quậy phá, đánh đập vợ con, chửi rửa xúc phạm đến vợ con, gia đình cha mẹ. Chị M có thái độ

không tôn trọng anh N.

Trong cuộc sống chung, anh N có quan tâm xây dựng cuộc sống chung, chu cấp tiền bạc phụ giúp chị M chi tiêu cho cuộc sống chung gia đình. Anh N có quan tâm chăm sóc vợ nhưng chị M luôn từ chối tránh né, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể tâm sự nói chuyện bình thường. Từ tháng 3 năm 2021 đến nay, anh N đưa con Phạm Lê Hoàng N về ở nhờ nhà mẹ ruột tại khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nay anh N nhận thấy mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xung đột, nhưng anh N vẫn còn tình cảm, còn thương yêu chị M, có thể hàn gắn được để đoàn tụ chung sống, nên anh N không đồng ý ly hôn, anh N yêu cầu được đoàn tụ chung sống nuôi con.

Con chung: chị M và anh N có một con chung là Phạm Lê Hoàng N, sinh ngày 27/02/2012, hiện nay anh N đang nuôi con. Nếu phải ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi con Phạm Lê Hoàng N sau ly hôn. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nhưng cũng đồng ý việc chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: anh N trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thống nhất với trình tự, thủ tục giải quyết xét xử vụ án và thủ tục mở phiên tòa xét xử vụ án với sự có mặt nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M, vắng mặt bị đơn anh Phạm Thanh N vắng mặt do anh N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng và tuân theo pháp luật khi giải quyết xét xử vụ án. Chị M chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Anh N thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng M. Về quan hệ hôn nhân: đề nghị giải quyết cho chị Lê Thị Hồng M và anh Phạm Thanh N ly hôn.

Về con chung: đề nghị giao cho anh N nuôi con sau ly hôn. Ghi nhận việc chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung: Chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: chị M, anh N trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M có mặt, bị đơn anh Phạm Thanh N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định phiên tòa xét xử vụ án với sự có mặt của Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M, vắng mặt bị đơn anh Phạm Thanh N theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân

sự.

Đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Hồng M, ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại các điều : 29, 35, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Hồng M, yêu cầu của anh Phạm Thanh N. Xét thấy: Chị Lê Thị Hồng M và anh Phạm Thanh N là vợ chồng tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24/4/2012, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh nguyên và nghĩa vụ vợ chồng giữa chị M với anh N theo quy định pháp luật. Trong đời sống chung, vợ chồng chị M, anh N phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi, không tôn trọng nhau, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tôn trọng nhường nhịn nhau để giữ gìn tình cảm hạnh phúc, không quan tâm, hỗ trợ nhau để cùng vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Chị M và anh N sống ly thân nhưng cả hai bên đều không tìm cách hàn gắn tình cảm, hạnh phúc và đoàn tụ chung sống. Năm 2020, chị M nộp đơn xin ly hôn anh N, nhưng sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì chị M rút Đơn khởi kiện nên Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó, chị M và anh N cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm hạnh phúc, đoàn tụ chung sống. Nay chị M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm hạnh phúc, đoàn tụ chung sống. Như vậy, có đủ căn cứ xác định cuộc sống chung chị M và anh N không hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, ý nghĩa mục đích chung của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị Lê Thị Hồng M yêu cầu được ly hôn anh Phạm Thanh N là có căn cứ chấp nhận, anh N không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ chung sống là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung và nuôi con sau ly hôn: Căn cứ vào trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xác định chị Lê Thị Hồng M và anh Phạm Thanh N có một con chung là Phạm Lê Hoàng N, sinh ngày 27/02/2012, hiện nay anh N đang nuôi con. Chị M đồng ý giao cho anh N nuôi con Phạm Lê Hoàng N sau ly hôn. Anh N cũng yêu cầu được nuôi con Phạm Lê Hoàng N sau ly hôn (nếu ly hôn). Xét thấy: các đương sự đều đồng ý giao cho anh Phạm Thanh N nuôi con Phạm Lê Hoàng N (sinh ngày 27/02/2012) sau ly hôn nếu Tòa án giải quyết, xét xử cho chị M và anh N ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cho anh Phạm Thanh N được quyền nuôi con Phạm Lê Hoàng N sau ly hôn là phù hợp.

[2.3] Chị Lê Thị Hồng M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con mà không ai được ngăn cản. Chị M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Anh N.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Xét thấy việc chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi, là không trái pháp luật và có lợi cho quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Phạm Lê Hoàng N, anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nhưng

cũng đồng ý với sự tự nguyện này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Lê Thị Hồng M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Phạm Lê Hoàng N (sinh ngày 27/02/2012) mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phạm Lê Hoàng N đủ 18 tuổi.

[2.6] Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị M và anh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị Hồng M chịu án phí trong vụ án theo luật định.

[4] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào :

- Các Điều: 28, 35, 91, 92, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56, 58, 59, 71, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng M về tranh chấp ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng M và anh Phạm Thanh N ly hôn.

3. Về việc nuôi con sau ly hôn: Anh Phạm Thanh N được quyền nuôi con Phạm Lê Hoàng N (sinh ngày 27/02/2012) sau ly hôn (hiện nay anh N đang nuôi con).

Chị Lê Thị Hồng M có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Chị Lê Thị Hồng M không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Phạm Thanh N.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Ghi nhận việc chị Lê Thị Hồng M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Phạm Lê Hoàng N (sinh ngày 27/02/2012) mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Tòa án có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phạm Lê Hoàng N đủ 18 tuổi.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Hồng M đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015627 ngày 10/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C,

tỉnh Đồng Tháp được trừ vào án phí phải nộp.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Thanh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện KSND huyện Châu Thành ;
 - Chi cục THADS huyện C;
 - UBND thị trấn C, huyện C Thành,
- tỉnh Đồng Tháp (Giấy CNKH số 32 ngày 24/4/2012)
- Lưu HSVA (NQ.Hung)

Nguyễn Quốc Hưng